

# BẢNG PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

Thực hiện từ ngày 02 tháng 11 năm 2020

| TT | Giáo viên              | Kiểm nhiệm              | CN      | Phân công chuyên môn                                                      | NGLL     | Số tiết |
|----|------------------------|-------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------|----------|---------|
| 1  | Nguyễn Thị Lan Anh     | HT                      |         | HƯỚNG NGHIỆP K9 + C Nghệ 9D1, 9D2 (2)                                     |          | 4       |
| 2  | Trịnh Quang Hưng       | HP                      |         | Sử K9 (3) + C nghệ 9D3 (1)                                                |          | 4       |
| 3  | Tạ Minh Sơn            | Loa máy, CNTT, PHTM (3) |         | Toán K7 (12) +TCT K7 (3)+MT6A1,2 (2)                                      |          | 20      |
| 4  | Nguyễn Thị Thảo        |                         | 8C2(4)  | Toán (8C1, 8C2, 8C3) (12)+ TCT 8C1,8C2,8C3 (3)+ Nhạc 8C1 (1)              | 8C2,8C3  | 21      |
| 5  | Lê Thị Nguyên          |                         | 6A2(4)  | Toán 6A1,6A2 (8)+ TCT 6A1,6A2 (2) + Toán 9D3 (4)+ + Nhạc K9 (3)           |          | 21      |
| 7  | Nguyễn Thị Tâm         |                         |         | Nghỉ đẻ                                                                   |          |         |
| 8  | Đặng Thị Thái Hương    | TTCM (3)                | 9D1(4)  | Toán 9D1,9D2 (8)+ TCT 9D1,D2, D3                                          | 9D1, 9D2 | 19      |
| 9  | Phạm Thị Huệ           |                         | 8C1(4)  | Văn 8C1, 9D1 (9)+ Sử 8C1, 8C2(4)+MT 8C1 (1)                               | 9D3, 8C1 | 19      |
| 10 | Nguyễn Thị Hà          |                         |         | Lý K6 (4) + Lý K7 (3) + Lý K8 (4) + Lý K9 (6)+ Công nghệ K8 (4)           |          | 21      |
| 11 | Hoàng Thị Hương        |                         | 7B1(4)  | Văn khối 7 (12)+ Sử 7B1 (2)+ Nhạc 7B1 (1) + MT6A3,4 (2)                   | 7B2,7B3  | 22      |
| 12 | Nguyễn Thị Huyền       | TPCM(1)                 | 9D3 (4) | Văn 9D2,9D3 (10) + Sử 8C4 (2) + Nhạc 8C3,8C4                              |          | 19      |
| 13 | Nguyễn Thị Trang Nhung |                         | 8C3(4)  | Văn 8C2,8C3,8C4 (12) + Sử 8C3 (2) + MT 8C3 (1)                            |          | 20      |
| 14 | Bùi Thị Thu Hương      | TPT Đội (13)            |         | TD 6A3,6A4(4) + Sinh 8C4 (2)+ Công nghệ khối 7 (3)                        |          | 22      |
| 15 | Dương Thị Phượng       | TTCM (3)                | 9D2(4)  | Anh khối 9 (6)+ Anh 8C4 (3)+TCA khối 9(3)+ TCA 8C4(1)                     |          | 20      |
| 16 | Phạm Thị Thúy Phượng   |                         | 7B2(4)  | Anh khối 7 (9) + TCA K7(3)+ Anh, TCA 8C1 (4)                              |          | 20      |
| 17 | Phan Thị Thanh Phượng  | UVCĐ(1)                 | 7B3(4)  | Sinh 9D1(2)+ Sinh K7(6) + TD K7 (6)                                       |          | 19      |
| 18 | Cao Ngọc Hoa           |                         | 6A4(4)  | Anh 6A2,6A3,6A4 (9) +TCA 6A2,6A3,6A4 (3) + Công nghệ 6A2,A4 (2)           | 6A3,6A4  | 21      |
| 19 | Bùi Thị Thu Tâm        | TKHĐ (2)                |         | GDCD K 6,7,8,9 (14)+Công nghệ 6A1,A3(4)                                   | 7B1,8C4  | 21      |
| 20 | Đinh Thị Thúy          | TPCM (1)                |         | Hóa K8 (8) + Hóa K9 (6) + Sinh 9D2,9D3 (4)+ Nhạc 8C2 (1)                  |          | 20      |
| 21 | Bùi Thị Thanh Xuân     | TTND (2)                | 6A1(4)  | Anh,TCA 6A1 (4)+ Anh 8C2, 8C3 (6) + TCA 8C2, 8C3 (2) + nhạc 6A1 (1)       | 6A1,6A2  | 20      |
| 22 | Lê Thị Thu Khuyên      | CTCĐ(3)                 | 8C4(4)  | Địa khối 8 (4)+ ĐỊA K9 (6)+MT 8C2,8C3 (2)                                 |          | 19      |
| 23 | Nguyễn Thanh Huyền     |                         | 6A3(4)  | Sinh khối 8C1,C2,C3(6)+Sinh K6(8)+ Nhạc 6A3, A4 (2)                       |          | 20      |
| 24 | Trịnh Thị Hạnh         |                         |         | Văn 6A2, 6A3 (8) + Sử khối 6 (4) + Sử 7B2,7B3 (4) + Nhạc 6A2+ Tập sự      |          | 17      |
| 25 | Vũ Thu Huyền           |                         |         | Văn 6A1, 6A4 (8) + Địa khối 6 (4) + Địa khối 7(6)+ Nhạc 7B2(1)            |          | 19      |
| 26 | Nguyễn Thị Hồng Diệu   |                         |         | Toán 6A3,6A4 (8)+ TCT 6A3,6A4 (2)+ Toán, TCT 8C4(5)+MT K7(3)+ Nhạc 7B3(1) |          | 19      |
| 27 | Phạm Văn Hạnh          |                         |         | TD K8 (8) + TD K9 (6) + TD 6A1,6A2,(4)+ ĐT (1)                            |          | 19      |

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Lan Anh